TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2025.
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Nghiệp;

Ông Nguyễn Quốc Thanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lâm thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1164/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1217/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Tổ 2, khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang. .

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị B, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Tổ 2, khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông K có đơn xin xét xử mặt. Bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2024 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Trần Văn K trình bày: Hôn nhân giữa ông và bà B tự tìm hiểu, được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là thị trấn Đ), huyện A, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, thường xuyên cãi nhau trong suốt thời gian dài và đã không còn chung sống

với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian này gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Nay, ông xin ly hôn với bà B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Huỳnh Anh D, sinh ngày 20/6/2017. Hiện nay cháu D đang sống cùng với bà B. Khi ly hôn ông đồng ý để bà B được tiếp tục nuôi dạy cháu D, ông xin không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà B theo quy định nhưng bà B vắng mặt không lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 11/12/2024 tại Công an thị trấn Đ cho biết hiện bà Huỳnh Thị B vẫn còn đăng ký thường trú tại khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại biên bản xác minh ngày 13/12/2024 được ông Phong cho biết: Ông sống gần nhà của ông Trần Văn K và bà Huỳnh Thị B là vợ của K, nhà ông và nhà ông K gần nhau. Vợ chồng K, B chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông K, bà B thường xuyên cãi nhau. Bà B bỏ đi đã lâu và không về nhà cho tới nay. Việc ly hôn giữa K và B thì ông không có ý kiến.

Tại phiên tòa, ông K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bà B vắng mặt lần 2 không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn K khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị B. Đồng thời, bà B có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bà B vắng mặt lần thứ 2 không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà B theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông K và bà B có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của ông K ly hôn với bà B thì thấy: Thời gian không còn chung sống giữa ông K và bà B đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, điều nay cũng phù hợp với biên bản xác minh mâu thuẫn ngày 13/12/2024 mà Tòa án thu thập được. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa ông K và bà B không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, do đó yêu cầu ly hôn của ông K là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông K và bà B có 01 con chung Trần Huỳnh Anh D, sinh ngày 20/6/2017. Hiện nay cháu D đang sống cùng với bà B, ông K cũng đồng ý để cho bà B được tiếp tục nuôi cháu D. Do đó, để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu D sau này được tốt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông K giao cháu Trần Huỳnh Anh D, sinh ngày 20/6/2017 cho bà B được tiếp tục nuôi dạy.

Bà B cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do không ghi nhận được ý kiến của bà B nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định.

[7] Về án phí: Ông K là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Bà B không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trần Văn K

- Về hôn nhân: Ông Trần Văn K được ly hôn với bà Huỳnh Thị B.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị B được tiếp tục nuôi dạy cháu Trần Huỳnh Anh D, sinh ngày 20/6/2017, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà B cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Ông Trần Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0010130 ngày 31/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (ông K đã nộp đủ).

Ông K, bà B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND TT Đ (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Mai Việt Quốc